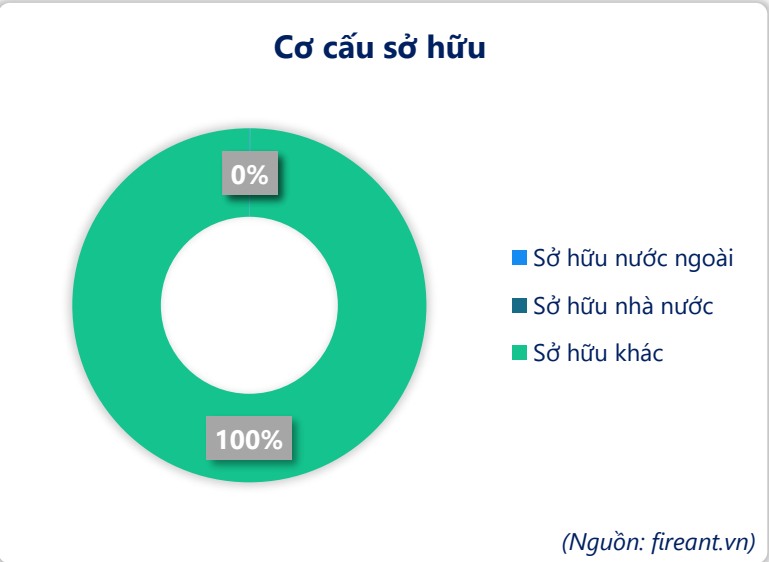
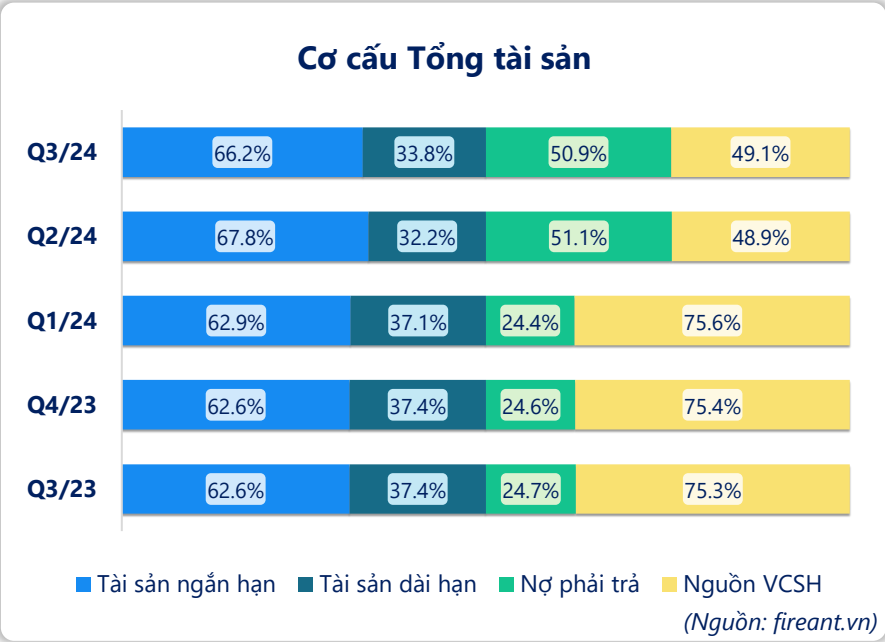
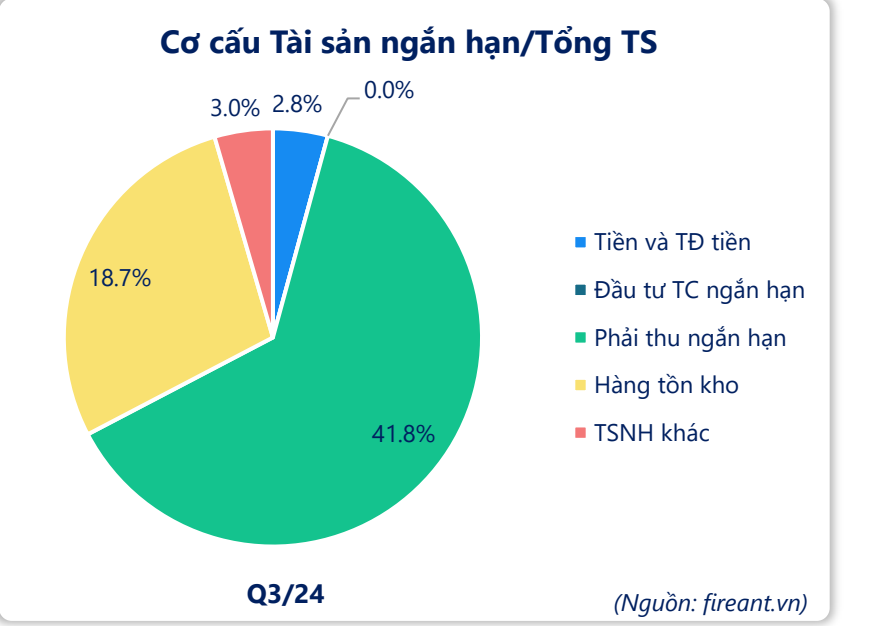
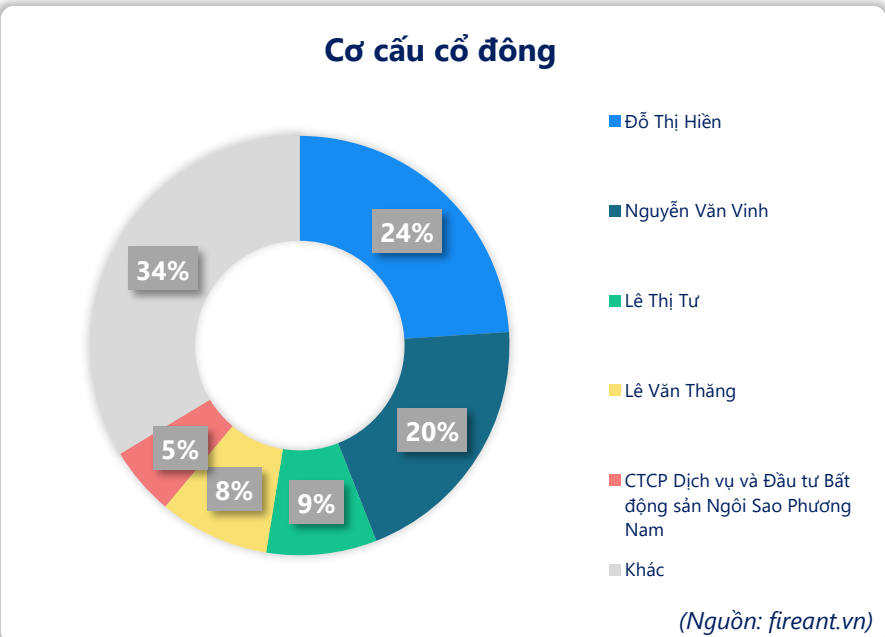
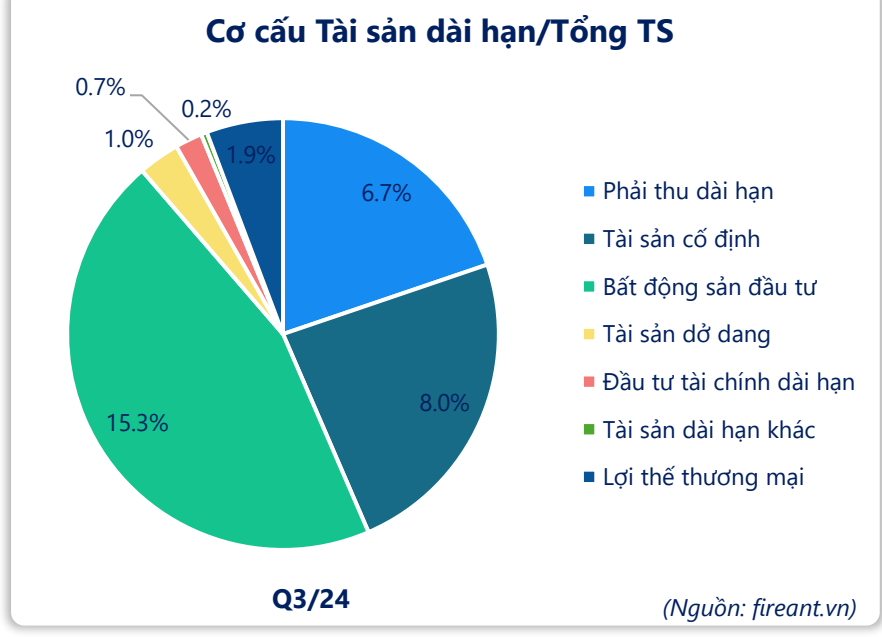
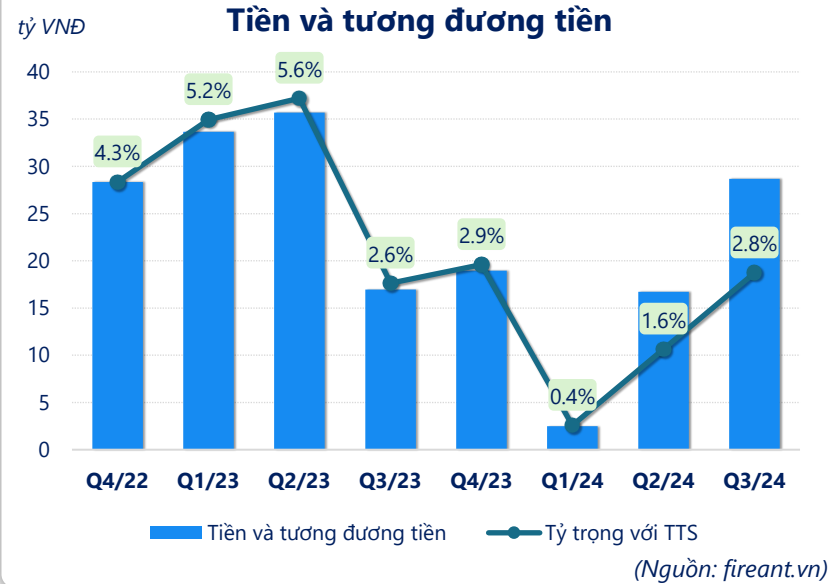
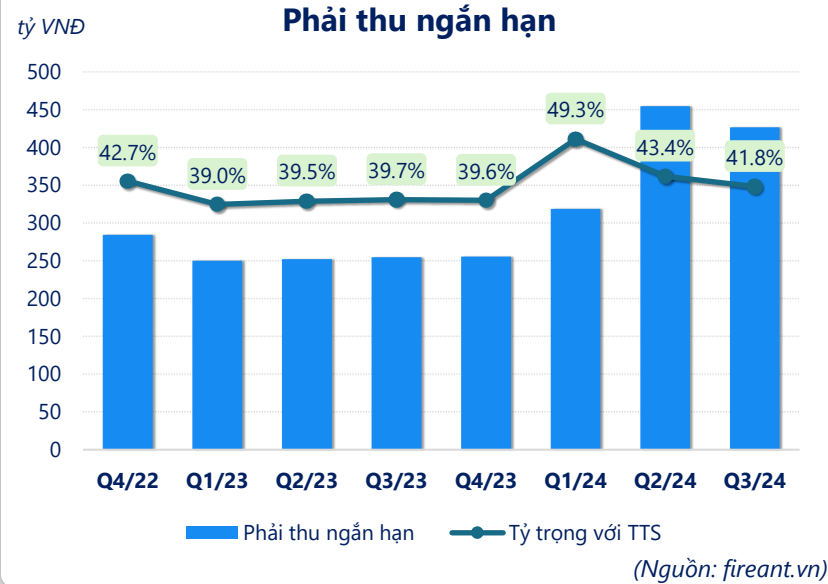
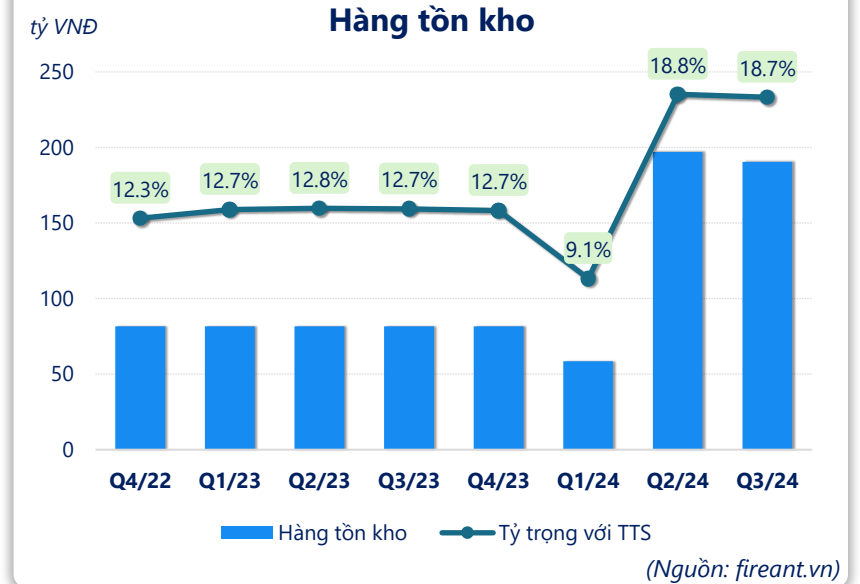
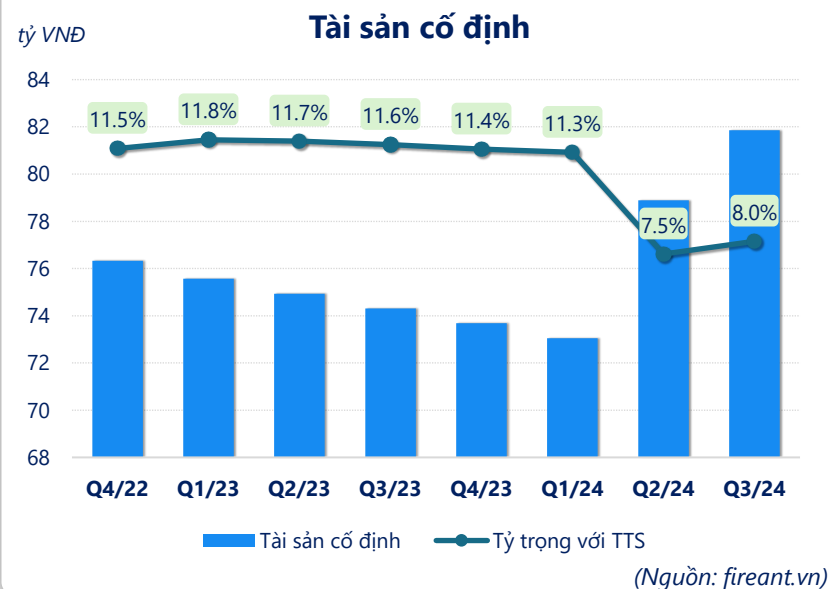
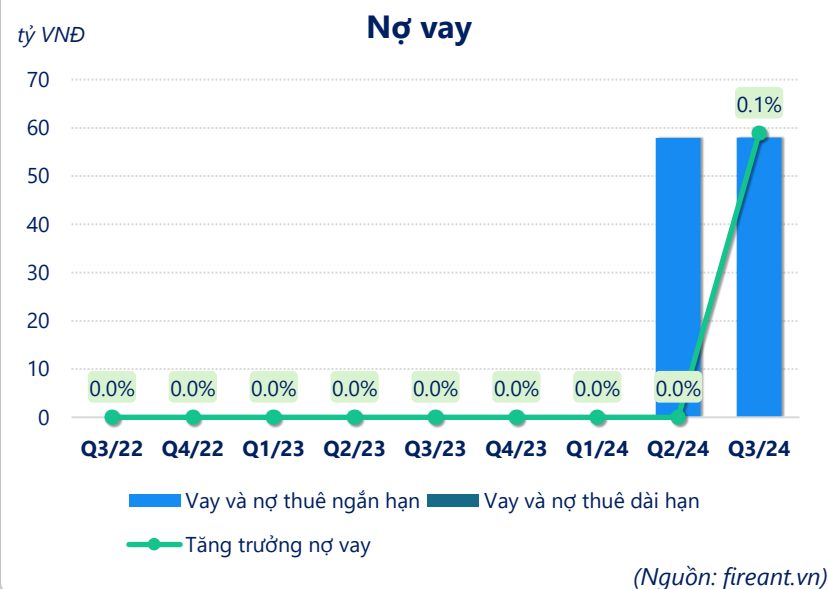
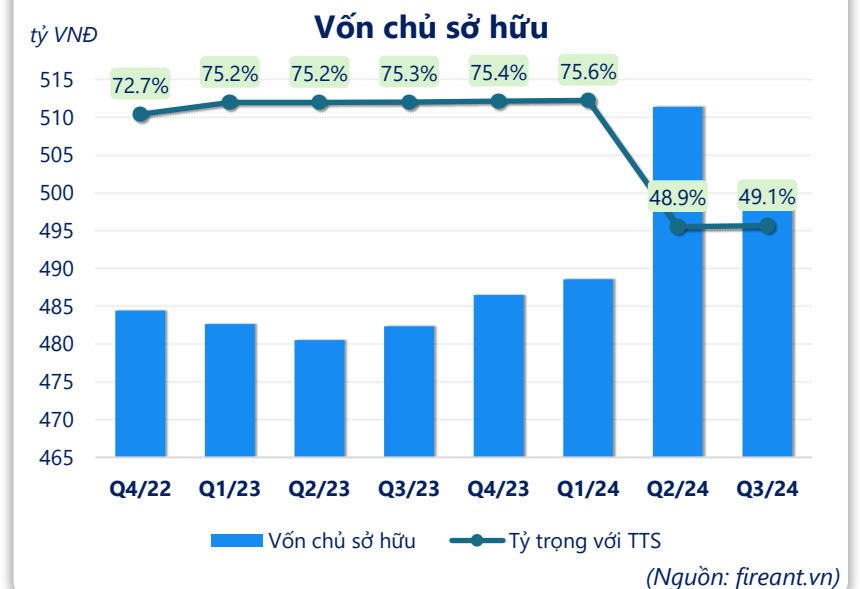
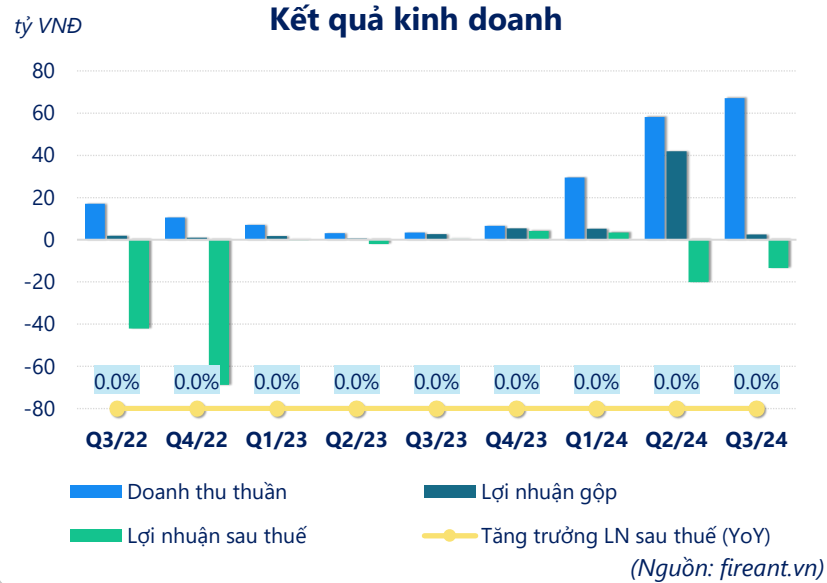
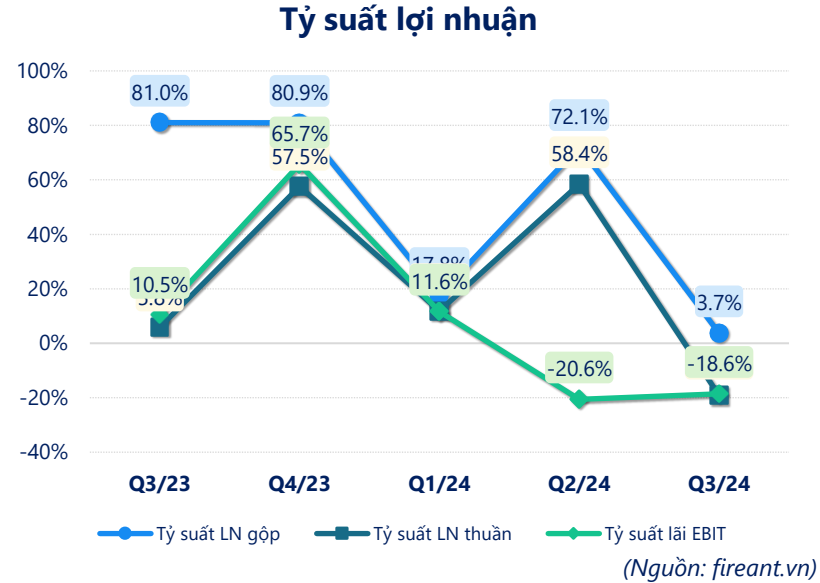
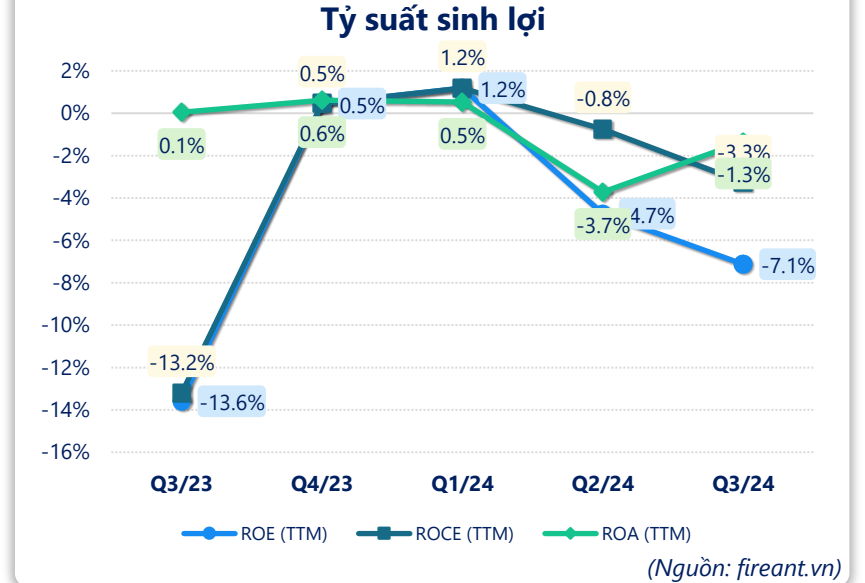
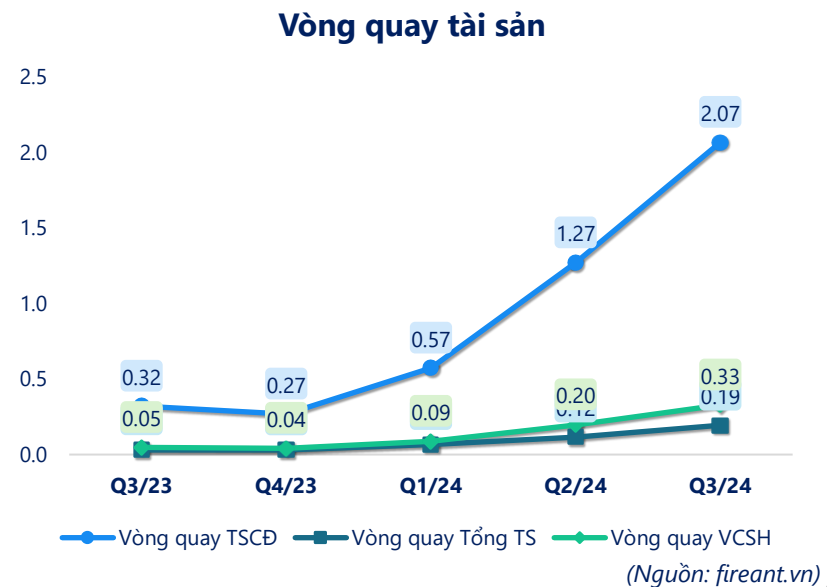
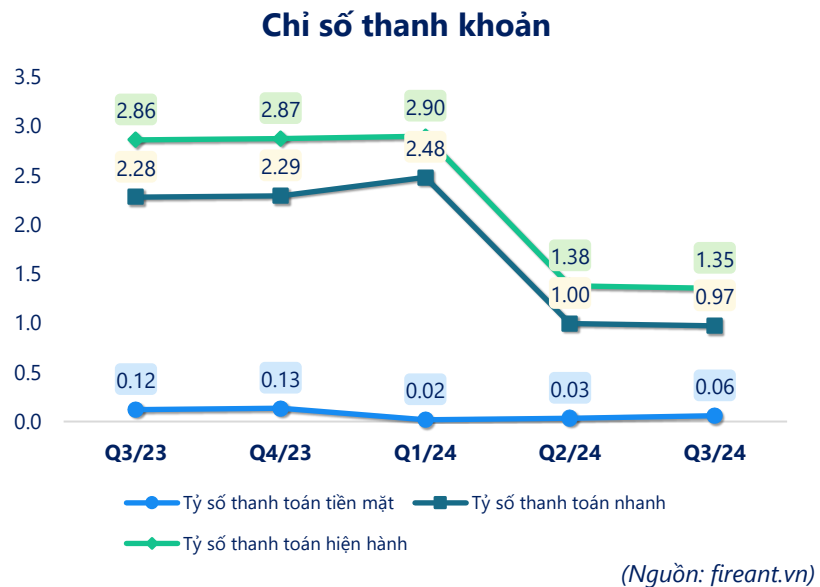
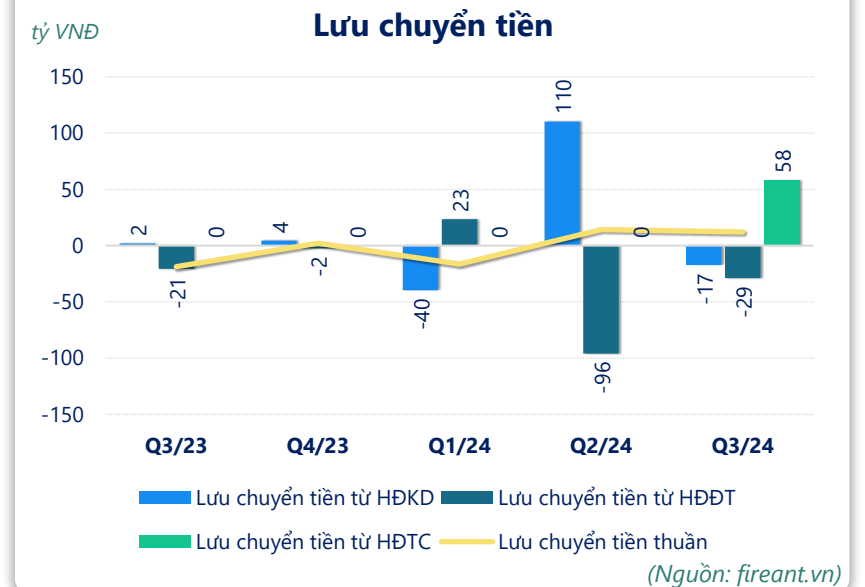


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,900
SL cổ phiếu LH		98,865,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)		69,995
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		297
P/E		-8.5
EPS		-354

	YTD	1T	3T	6T
PTL	-25.6%	-7.1%	-22.9%	-30.4%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,022	645	58.4%
Tài sản ngắn hạn	677	404	67.6%
Tiền và tương đương tiền	28.7	18.9	51.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.5	-100%
Phải thu ngắn hạn	427	255	67.1%
Hàng tồn kho	191	81.6	133%
Tài sản ngắn hạn khác	30.5	27.0	12.8%
Tài sản dài hạn	345	241	43.0%
Phải thu dài hạn	68.3	82.6	-17.4%
Tài sản cố định	81.9	73.7	11.1%
Bất động sản đầu tư	156	84.9	83.4%
Tài sản dở dang	10.7	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	7.00	0	
Tài sản dài hạn khác	1.55	0.09	1576%
Lợi thế thương mại	19.8	0	
Nợ phải trả	520	158	229%
Nợ ngắn hạn	500	140	257%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	150	18.2	723%
Nợ dài hạn	19.9	17.9	11.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	501	487	3.0%
Vốn chủ sở hữu	501	487	3.0%
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	3.35	6.55	29.5	58.2	67.1
Giá vốn hàng bán	0.64	1.25	24.3	16.2	64.6
Lợi nhuận gộp	2.71	5.30	5.24	41.9	2.47
Doanh thu HĐTC	1.00	1.14	1.15	0.82	0.33
Chi phí TC	0	0.00	0	0	1.14
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	1.14
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.08	0.06	0.05	0.15	0
Chi phí QLDN	3.44	2.62	2.84	8.61	14.5
LN thuần từ HĐKD	0.20	3.77	3.50	34.0	-12.9
Lợi nhuận khác	0.16	0.54	-0.07	-46.0	-0.72
LN trước thuế	0.35	4.31	3.43	-12.0	-13.6
Lợi nhuận sau thuế	0.35	4.15	3.33	-20.1	-13.4
LNST của CĐ cty mẹ	0.40	4.03	3.41	-31.4	-11.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.86	4.34	-39.8	110	-17.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.6	-2.34	23.3	-95.9	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	58.0
Tiền đầu kỳ	35.7	16.9	18.9	2.50	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	-18.7	2.00	-16.5	14.2	12.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.9	18.9	2.50	16.7	28.7

(Nguồn: fireant.vn)